TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Thạch Thanh Long.
2/. Ông Đặng Thế Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Sa Rên –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long *tham gia phiên tòa*: ông Phan Văn Hiếu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2018/QĐXXST-HN ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1988 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị N và anh V: Cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2006 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng N trình bày: Chị và anh V do quen biết và được sự đồng ý của gia đình chị và anh V đã đi đến hôn nhân, lễ cưới được tổ chức vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 23/9/2010, nữ trang ngày cưới không có, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gây gỗ cự

cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên từ tháng 5 năm 2018 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2006 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011 hiện 02 con đang sống chung với anh V.

Về tài sản chung: Qúa trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; Về con chung tên: Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2006 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011 hiện 02 con đang sống chung với anh V, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của 02 con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, trường hợp 02 con sống với chị thì chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu và cấp dưỡng cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi, nếu 02 con sống với anh V thì chị không cấp dưỡng; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh là chồng của chị Lê Thị Hồng N. Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị N về hôn nhân, nữ trang, con chung là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh. Quá trình chung sống vợ chồng đôi lúc có cải vã do chị N đòi đi làm anh không cho đi nên mới xãy ra cự cải, nên từ tháng 5 năm 2018 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Nay về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn anh xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con, trường hợp chị N cương quyết ly hôn anh cũng không đồng ý anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp ly hôn về con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2016 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011 hiện 02 con đang sống chung với anh, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của 02 con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Cháu là con của bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn V, cháu đang học lớp 07 trường trung học cơ sở T, hiện đang sống với cha, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha là ông Nguyễn Văn V.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Quang T trình bày: Cháu là con của bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn V, cháu đang học lớp 02 trường tiểu học T, hiện đang sống với cha, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha là ông Nguyễn Văn V.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên Tòa hôm nay cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu Nguyễn Quang T là con của chị N và anh V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn V được ly hôn.

- Về con chung: anh Nguyễn Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2006 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xét đến.

Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị Hồng N.

Chị Lê Thị Hồng N được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc chị Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ chịu án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu Nguyễn Quang T là con của chị N và anh V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn V được xác lập vào năm 2005 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 23/9/2010, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gây gỗ cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên từ tháng 5 năm 2018 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu được ly hôn.

Anh V không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Hồng N, anh V cho rằng quá trình chung sống vợ chồng đôi lúc có cải vã do chị N đòi đi làm anh không cho đi nên mới xãy ra cự cải, nên từ tháng 5 năm 2018 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay, anh yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không kết quả. Qua xác minh Chính quyền địa phương thì chị N và anh V thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 5 năm 2018 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị N xin ly hôn với anh V là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cho chị N và anh V được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2006 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011 hiện đang sống với anh V. Tại phiên tòa chị N và anh V thống nhất theo nguyện vọng của cháu Thùy T và cháu Quang T sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Thùy T và cháu Quang T muốn được sống với anh V, từ đó nghĩ nên giao anh V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thùy T và cháu Quang T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do cháu Thùy T và cháu Quang T nguyện vọng muốn được sống với anh V, tại phiên tòa chị N rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con căn cứ vào Điều 244 Bộ luật luật tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng của chị N.

Tại phiên tòa hôm nay anh V chưa có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.5] Về án phí: chị Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Cho chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn V được ly hôn.

- **Về con chung**: Anh Nguyễn Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2006 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 30/3/2011.

- **Về cấp dưỡng nuôi con**: Các đương sự chưa có yêu cầu nên Tòa không xét đến.

Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị Hồng N.

Chị Lê Thị Hồng N được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung, về nợ chung**: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

- **Về án phí**: chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0018498, ngày 27/9/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Lê Thị Hồng N đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.

Lê Thị Trúc Linh